

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
SAO BẮC ĐẦU VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 33

U31
C
U31
C

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Hoàng Hải Thịnh	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 03/01/2017)
Ông Đặng Nam Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 03/01/2017)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Mai Thị Thúy Mai	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Minh Huân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 22/04/2016)
Ông Lê Phước Lộ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 22/04/2016)

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03/01/2017)
Ông Hà Thế Thập	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/04/2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trần Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Số: 17.303HN/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn", được lập ngày 28 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0172-2016-026-1

Huỳnh Thị Ngọc Trinh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
2124-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, KCX Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		541.501.107.821	438.558.949.252
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	58.442.904.644	17.554.131.683
1. Tiền	111		43.942.904.644	17.409.684.609
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.500.000.000	144.447.074
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		322.469.004.703	324.708.037.645
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	252.209.268.824	224.332.800.601
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	11.091.581.934	65.235.552.121
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	61.675.616.581	37.647.147.559
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.507.462.636)	(2.507.462.636)
III. Hàng tồn kho	140	5.5	158.082.639.136	93.521.679.748
1. Hàng tồn kho	141		162.015.216.595	95.395.957.372
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.932.577.459)	(1.874.277.624)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.506.559.338	2.775.100.176
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.158.786.905	708.994.238
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.347.772.433	2.066.105.938
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		70.620.555.916	76.007.563.437
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		50.729.088	474.623.325
1. Phải thu dài hạn khác	216		50.729.088	474.623.325
II. Tài sản cố định	220		56.682.158.502	63.442.279.993
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	56.527.264.924	63.384.776.582
Nguyên giá	222		128.793.090.710	114.315.384.065
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(72.265.825.786)	(50.930.607.483)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	154.893.578	57.503.411
Nguyên giá	228		1.485.013.649	1.341.223.555
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.330.120.071)	(1.283.720.144)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		800.160.653	189.342.393
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		800.160.653	189.342.393
IV. Tài sản dài hạn khác	260		13.087.507.673	11.901.317.726
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	12.898.744.339	11.693.678.059
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		188.763.334	207.639.667
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		612.121.663.737	514.566.512.689

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, KCX Tân Thuận, Phường
Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		497.547.277.314	410.282.390.931
I. Nợ ngắn hạn	310		496.274.492.748	403.398.290.300
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	254.657.429.058	185.415.514.987
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	25.842.559.689	71.244.473.871
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	6.087.740.128	8.738.591.587
4. Phải trả người lao động	314	5.12	4.952.152.234	5.006.983.420
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	6.246.249.937	11.027.914.309
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.14	5.382.744.347	4.920.184.534
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	4.131.102.451	3.316.676.161
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	188.974.514.904	113.727.951.431
II. Nợ dài hạn	330		1.272.784.566	6.884.100.631
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.13	1.272.784.566	1.239.101.631
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	-	5.644.999.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		114.574.386.423	104.284.121.758
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17.1	114.574.386.423	104.284.121.758
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.17.2	84.879.070.000	82.879.070.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		84.879.070.000	82.879.070.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(1.533.333.333)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		885.751.532	136.338.550
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.344.848.934	13.792.068.052
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.104.266.295	(420.645.801)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		19.240.582.639	14.212.713.853
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.998.049.290	7.476.645.156
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		612.121.663.737	514.566.512.689



Trần Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Trần Phan Thúy An
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Trọng
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, KCX Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	853.058.665.770	727.556.983.409
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		52.058.184	182.001.608
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		853.006.607.586	727.374.981.801
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	721.112.257.257	608.392.182.311
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		131.894.350.329	118.982.799.490
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.903.005.342	934.200.479
7. Chi phí tài chính	22	6.4	12.732.830.448	12.534.668.610
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.868.662.494</i>	<i>10.346.681.352</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	41.448.358.391	40.264.762.328
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	64.219.648.018	53.690.688.168
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.396.518.814	13.426.880.863
11. Thu nhập khác	31	6.7	7.115.854.857	4.636.288.266
12. Chi phí khác	32		2.053.158.237	72.558.137
13. Lợi nhuận khác	40		5.062.696.620	4.563.730.129
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.459.215.434	17.990.610.992
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	4.796.167.437	4.021.846.388
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		18.876.332	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16.644.171.665	13.968.764.604
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		17.137.086.528	13.631.387.205
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(492.914.863)	337.377.399
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.17.5	2.046	1.653
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.17.5	2.046	1.653



Trần Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Trần Phan Thúy An
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Trọng
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, KCX Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.459.215.434	17.990.610.992
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.8	21.103.727.771	19.225.140.933
Các khoản dự phòng	03		2.058.299.835	751.346.234
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		490.687.321	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.889.995.972)	134.563.324
Chi phí lãi vay	06	6.4	10.868.662.494	10.346.681.352
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		53.090.596.883	48.448.342.835
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(923.014.188)	(99.136.982.389)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(66.619.259.223)	(25.584.923.305)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		27.576.725.156	116.217.774.765
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.654.858.947)	(28.707.028.917)
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.858.415.464)	(10.063.914.063)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.11	(5.230.362.594)	(3.132.255.079)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	197.592.102
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.618.588.377)	(1.761.394.051)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.714.280.739)	(37.911.315.666)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		598.325.275	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(17.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.500.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.108.188.751	363.407.318
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.007.766.713)	(37.447.908.348)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, KCX Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.600.000.000	850.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(2.000.000.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	496.823.906.673	425.301.891.937
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(427.222.342.200)	(378.568.890.626)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.748.597.249)	(7.960.164.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		61.452.967.224	39.622.837.261
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		40.826.612.134	413.534.862
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		17.554.131.683	17.140.596.821
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		62.160.827	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	58.442.904.644	17.554.131.683



Trần Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Trần Phan Thúy An
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Trọng
Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày ngày 25 tháng 07 năm 2016.

Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 84.879.070.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Đức Quang	16.661.990.000	19,63	16.661.990.000	20,10
Cổ đông khác	68.217.080.000	80,37	66.217.080.000	79,90
Cộng	84.879.070.000	100,00	82.879.070.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty gọi chung là Tập đoàn).

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội: Tầng 15, Tòa nhà Lilama 10, Phố Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 02 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Tổng số nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 272 (31/12/2015: 255).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc Tập đoàn

Vào đầu năm 2016, Tập đoàn được cấu trúc theo hình thức sở hữu trực tiếp gồm công ty mẹ và 02 công ty con trực tiếp. Trong năm, Tập đoàn đã mua thêm 01 công ty con trực tiếp theo hình thức sở hữu gồm công ty mẹ và 03 công ty con trực tiếp.

1.6. Các công ty con được hợp nhất

Các công ty con trực tiếp:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu	Gian hàng số T3-B4L, Tầng hầm, Tòa nhà Topaz, số 92, Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	69,00%	76,67%
2.	Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu	Tầng 8, Tòa nhà Loyal, số 151 đường Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	74,00%	74,00%
3.	Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu	Tầng 1 tòa nhà Lilama 10, Phố Tố Hữu, Phường Trung Ván, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	60,00%	60,00%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Tập đoàn tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Ngoại tệ

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng TMCP Ngoại Thương;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

4.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.4. Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Phải thu nội bộ là khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới trực

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2016</u>
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
▪ Máy móc thiết bị	3 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	2– 8 năm

4.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.8. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

4.9. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tập đoàn.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

4.10. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và giá vốn của các dự án chưa hoàn thành. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam được phân bổ theo thời hạn thuê trong 30 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối kỳ.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.14. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Tập đoàn đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

4.15. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian cho thuê tài sản.

4.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Quý dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.17. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

4.18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

4.21. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng như các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

4.22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phần mềm tin học: 0%;
- Xuất thiết bị vào khu phi thuế quan: 0%;
- Doanh thu thiết bị và hàng hóa: 10%;
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác: 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn.

4.23. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.25. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tập đoàn mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	9.175.766.351	891.024.163
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.767.138.293	16.518.660.446
Các khoản tương đương tiền	14.500.000.000	144.447.074
Cộng	58.442.904.644	17.554.131.683

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu có thời hạn gốc dưới 3 tháng và lãi suất từ 4,6%/năm đến 5%/năm.

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao	38.580.821.706	47.571.328.706
Tập Đoàn Viễn Thông Quân Đội	30.187.701.500	-
Công Ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	15.192.700.000	-
Công Ty CP Dịch Vụ Thương Mại Phần Mềm Quang Trung	12.379.318.070	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Đèo Cả	11.894.925.445	-
Cục Công Nghệ Thông Tin	10.387.242.775	21.813.890.700
Các khách hàng khác	133.586.559.328	154.947.581.195
Cộng	252.209.268.824	224.332.800.601

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.3. Trả trước cho người bán

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Japan Radio Co., Ltd	4.406.036.484	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	1.627.534.977	-
Công ty CP Đầu Tư Và Phát Triển Hưng Phát	1.498.170.984	-
Công ty TNHH Kỹ Thuật Tự Động Cửu Long	-	32.814.376.320
Công ty CP Đầu tư Phát triển công nghệ Trí Nam	-	20.447.224.654
F5 Networks Inc	-	182.160.000
Các nhà cung cấp khác	3.559.839.489	11.791.791.147
Cộng	<u>11.091.581.934</u>	<u>65.235.552.121</u>

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu người lao động	2.688.856.068	-	2.116.814.971	-
Ký cược, ký quỹ	57.619.394.048	-	31.297.382.295	-
Phải thu khác	1.367.366.465	-	4.232.950.293	-
Cộng	<u>61.675.616.581</u>	<u>-</u>	<u>37.647.147.559</u>	<u>-</u>

5.5. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng tại kho Công ty	15.648.461.277	(3.932.577.459)	49.417.675.118	(1.874.277.624)
Hàng đã xuất kho triển khai	92.427.611.177	-	11.542.859.799	-
Kho theo dõi hàng cho thuê	57.527.820	-	49.244.921	-
Kho theo dõi hàng Hà Nội	522.475.874	-	328.992.814	-
Nguyên liệu, vật liệu	353.082.698	-	325.876.801	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	53.006.057.749	-	33.731.307.919	-
Cộng	<u>162.015.216.595</u>	<u>(3.932.577.459)</u>	<u>95.395.957.372</u>	<u>(1.874.277.624)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẠC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2016	15.138.594.055	77.150.957.052	21.642.498.535	383.334.423	114.315.384.065
Mua trong năm	-	14.708.701.982	732.137.209	-	15.440.839.191
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	189.342.393	-	189.342.393
Thanh lý, nhượng bán	-	(407.774.939)	(744.700.000)	-	(1.152.474.939)
Tại ngày 31/12/2016	15.138.594.055	91.451.884.095	21.819.278.137	383.334.423	128.793.090.710
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2016	4.498.087.005	35.139.968.583	11.040.874.278	251.677.617	50.930.607.483
Khấu hao trong năm	1.013.381.623	18.386.991.441	2.820.588.984	70.213.140	22.291.175.188
Thanh lý, nhượng bán	-	(407.774.939)	(548.181.946)	-	(955.956.885)
Tại ngày 31/12/2016	5.511.468.628	53.119.185.085	13.313.281.316	321.890.757	72.265.825.786
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2016	10.640.507.050	42.010.988.469	10.601.624.257	131.656.806	63.384.776.582
Tại ngày 31/12/2016	9.627.125.427	38.332.699.010	8.505.996.821	61.443.666	56.527.264.924

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 9.627.125.427 VND – Xem thêm mục 5.16.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 19.526.975.852 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý	Tại ngày	Tăng	Giảm	Tại ngày
	01/01/2016			31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá	1.341.223.555	143.790.094	-	1.485.013.649
Giá trị hao mòn lũy kế	(1.283.720.144)	(46.399.927)	-	(1.330.120.071)
Giá trị còn lại	57.503.411			154.893.578

5.8. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Quyền sử dụng đất	8.694.178.890	9.070.887.544
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.556.743.091	1.719.177.978
Các khoản khác	1.647.822.358	903.612.537
Cộng	12.898.744.339	11.693.678.059

Trong đó, quyền sử dụng đất tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh của công ty mẹ đã dùng thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn là 8.694.178.890 VND – Xem thêm mục 5.16.

5.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND	
Blue Sky Solutions Global Trading Co., Ltd	34.877.140.140	34.877.140.140	24.566.071.853	24.566.071.853
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ A1	29.771.314.084	29.771.314.084	-	-
Công ty TNHH Azbil Việt nam	28.614.169.464	28.614.169.464	40.375.898.862	40.375.898.862
AV United Pty Ltd	19.239.412.806	19.239.412.806	-	-
Công Ty TNHH Phân phối FPT	15.565.739.734	15.565.739.734	-	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Elite	455.714.072	455.714.072	2.609.739.278	2.609.739.278
Phải trả cho các đối tượng khác	126.133.938.758	126.133.938.758	117.863.804.994	117.863.804.994
Cộng	254.657.429.058	254.657.429.058	185.415.514.987	185.415.514.987

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Á	9.542.618.000	9.542.618.000	9.542.618.000	9.542.618.000
Công ty TNHH Liên Doanh Sun Ivy	1.030.119.552	1.030.119.552	1.030.119.552	1.030.119.552
Công ty TNHH Đầu tư và Công nghệ Nam Thắng	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Đèo Cả	-	-	32.834.213.620	32.834.213.620
Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Biển	-	-	11.686.078.905	11.686.078.905
Phải trả cho các đối tượng khác	3.769.822.137	3.769.822.137	6.151.443.794	6.151.443.794
Cộng	<u>25.842.559.689</u>	<u>25.842.559.689</u>	<u>71.244.473.871</u>	<u>71.244.473.871</u>

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2016	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.850.207.987	36.636.736.253	39.253.978.789	1.232.965.451
Thuế xuất, nhập khẩu	61.561	51.153.034	51.214.595	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.757.999.235	4.796.167.437	5.230.362.594	3.323.804.078
Thuế thu nhập cá nhân	1.130.322.804	2.756.279.648	3.185.154.615	701.447.837
Khác	-	1.620.855.936	1.161.201.463	829.522.762
Cộng	<u>8.738.591.587</u>	<u>45.861.192.308</u>	<u>48.881.912.056</u>	<u>6.087.740.128</u>

5.12. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 13, thưởng hiệu quả kinh doanh và thưởng ban điều hành của năm 2016 còn phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.13. Chi phí phải trả

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Trích trước chi phí tương ứng với doanh thu dự án đã thực hiện	5.889.019.525	10.837.459.555
Phải trả truyền hình cáp	27.003.548	14.235.358
Chi phí phải trả khác	330.226.864	176.219.396
Cộng	6.246.249.937	11.027.914.309
Dài hạn:		
Phải trả cho chủ đầu tư tòa nhà	1.272.784.566	1.239.101.631

5.14. Doanh thu chưa thực hiện

Trong đó, doanh thu chưa thực hiện về cung cấp dịch vụ Internet cho khách hàng theo hợp đồng số 10. (DNG8b-DC) ngày 25/08/2012 giữa Tập đoàn và Ban Quản lý dự án Phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông tại Thành phố Đà Nẵng có số tiền là 4.460.000.000 VND.

5.15. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Kinh phí công đoàn	1.029.817.029	975.054.329
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	517.810.000	449.000.000
Mượn tiền	300.000.000	100.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.283.475.422	1.792.621.832
Cộng	4.131.102.451	3.316.676.161

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẠC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.16. Vay và nợ thuế tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:						
Vay ngân hàng	183.964.514.904	183.964.514.904	494.435.412.772	412.059.584.046	101.588.686.178	101.588.686.178
Vay đối tượng khác	-	-	2.388.493.901	7.973.054.528	5.584.560.627	5.584.560.627
Vay dài hạn đến hạn trả	5.010.000.000	5.010.000.000	5.010.000.000	6.554.704.626	6.554.704.626	6.554.704.626
Cộng	188.974.514.904	188.974.514.904	501.833.906.673	426.587.343.200	113.727.951.431	113.727.951.431
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	5.010.000.000	5.010.000.000	-	7.189.703.626	12.199.703.626	12.199.703.626
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(5.010.000.000)	(5.010.000.000)	(5.010.000.000)	(6.554.704.626)	(6.554.704.626)	(6.554.704.626)
Cộng	-	-	(5.010.000.000)	634.999.000	5.644.999.000	5.644.999.000
Tổng cộng	192.974.514.904	192.974.514.904	496.823.906.673	427.222.342.200	72.327.391.349	72.327.391.349

Các khoản vay ngắn hạn chịu lãi suất từ 6%/năm đến 7,5%/năm đối với VND và các khoản vay ngắn hạn dài hạn với thời hạn 3 năm và chịu lãi suất từ 6,8%/năm đến 8,5%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Công trình xây dựng văn phòng, tài sản hình thành từ vốn vay và hệ thống máy chủ và thiết bị mạng và Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U12b-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty mẹ với giá trị còn lại lần lượt là 9.627.125.427 đồng và 8.694.178.890 đồng – Xem thêm mục 5.6 và mục 5.8;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Tập đoàn và khách hàng.
- Hàng hóa, khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ vốn vay;
- Sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ phương án vay, các khoản phải thu hình thành từ phương án vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17. Vốn chủ sở hữu

5.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND	
Tại ngày 01/01/2015	80.000.000.000	1.123.900	(3.963.240.000)	1.710.667.069	13.791.496.428	6.506.267.757	98.046.315.154
Tăng vốn trong năm trước	2.879.070.000	(1.123.900)	-	(1.710.667.069)	(1.167.279.031)	850.000.000	850.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	13.631.387.205	337.377.399	13.968.764.604
Chia cổ tức	-	-	-	-	(8.363.958.000)	(217.000.000)	(8.580.958.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	136.338.550	(136.338.550)	-	-
Giảm khác	-	-	3.963.240.000	-	(3.963.240.000)	-	-
Tại ngày 01/01/2016	82.879.070.000	-	-	136.338.550	13.792.068.052	7.476.645.156	104.284.121.758
Tăng vốn trong năm nay	2.000.000.000	-	-	-	-	2.850.000.000	4.850.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	17.137.086.528	(492.914.863)	16.644.171.665
Cổ phiếu quỹ	-	-	(1.533.333.333)	-	-	(466.666.667)	(2.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(8.287.907.000)	(916.000.000)	(9.203.907.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	749.412.982	(749.412.982)	-	-
Khác	-	-	-	-	(546.985.664)	546.985.664	-
Tại ngày 31/12/2016	84.879.070.000	-	(1.533.333.333)	885.751.532	21.344.848.934	8.998.049.290	114.574.386.423

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Tại ngày 31/12/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Ông Nguyễn Đức Quang	16.661.990.000	16.661.990.000
Cổ đông khác	68.217.080.000	66.217.080.000
Cộng	<u>84.879.070.000</u>	<u>82.879.070.000</u>

5.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu năm	82.879.070.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	2.000.000.000	2.879.070.000
Vốn góp cuối năm	84.879.070.000	82.879.070.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.287.907.000	8.363.958.000

5.17.4. Cổ phiếu

	<u>Tại ngày 31/12/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.487.907	8.287.907
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	8.487.907	8.287.907
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.487.907	8.287.907

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.17.5. Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Lãi hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	16.245.712.009	13.631.387.205
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	16.245.712.009	13.631.387.205
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	8.375.030	8.244.009
Lãi cơ bản và Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.940</u>	<u>1.653</u>

5.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	<u>Tại ngày 31/12/2016</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016</u>
Ngoại tệ các loại: USD	50.891,41	9.088,39

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng	771.175.308.899	581.606.041.771
Doanh thu cung cấp dịch vụ	80.018.756.141	144.551.248.012
Doanh thu khác	1.864.600.730	1.399.693.626
Cộng	853.058.665.770	727.556.983.409

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán hàng	644.712.064.169	467.521.262.043
Giá vốn cung cấp dịch vụ	75.055.779.204	139.636.157.542
Khác	1.344.413.884	1.234.762.726
Cộng	721.112.257.257	608.392.182.311

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.233.326.899	363.407.318
Lãi chênh lệch tỷ giá	653.149.917	570.065.367
Doanh thu hoạt động tài chính khác	16.528.526	727.794
Cộng	2.903.005.342	934.200.479

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	10.868.662.494	10.346.681.352
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.403.094.495	2.148.069.462
Chi phí tài chính khác	461.073.459	39.917.796
Cộng	12.732.830.448	12.534.668.610

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lương nhân viên	23.401.288.214	16.628.865.919
Chi phí đồ dùng văn phòng	585.027.152	483.282.850
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.451.452	6.243.159.576
Chi phí bảo hành	183.211.360	121.442.432
Chi phí Pre-sales	1.837.720.177	1.616.424.331
Chi phí phát hành, gia hạn thư bảo lãnh	2.828.698.871	5.966.022.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.114.531.752	1.379.877.974
Chi phí bằng tiền khác	10.459.429.413	7.825.686.834
Cộng	41.448.358.391	40.264.762.328

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	40.807.050.888	36.944.577.213
Chi phí vật liệu quản lý	1.856.047.415	1.407.679.348
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.360.015.926	3.511.704.075
Thuế, phí và lệ phí	65.660.669	5.675.000
Chi phí dự phòng	-	845.264.674
Chi phí điện, nước, thuê mặt bằng	2.499.492.260	2.978.482.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.217.831.711	4.116.946.706
Chi phí bằng tiền khác	7.413.549.149	3.880.359.085
Cộng	64.219.648.018	53.690.688.168

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	306.163.764	45.813.834
Thu phạt hợp đồng	1.676.883.764	-
Thu nhập khác	5.132.807.329	4.590.474.432
Cộng	7.115.854.857	4.636.288.266

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

6.8. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.782.356.632	12.339.142.777
Chi phí nhân công	64.500.520.102	53.619.414.932
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.103.727.771	19.225.140.933
Chi phí dự phòng	-	845.264.674
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.611.883.919	110.175.341.706
Chi phí khác bằng tiền	20.697.500.186	13.425.232.019
Cộng	<u>221.695.988.610</u>	<u>209.629.537.041</u>

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được hợp nhất từ chi phí thuế TNDN của các công ty trong Tập đoàn với thuế suất TNDN là 20% đối với tất cả các công ty trong Tập đoàn.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

7.1. Các khoản đi vay thực thu trong kỳ

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	496.823.906.673	425.301.891.937

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(427.222.342.200)	(378.568.890.626)

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo đánh giá của Tổng Giám đốc Tập đoàn, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn cung cấp hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong năm của Tập đoàn chủ yếu là từ cung cấp thiết bị và dịch vụ điện tử, tin học, giải pháp kỹ thuật tổng thể tích hợp hệ thống công nghệ thông tin nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

Do vậy, Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh và khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tập đoàn đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Ông Trần Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tập đoàn đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Công ty được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Thù lao và thu nhập	5.451.797.526	6.209.105.024

10. THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>
Thù lao	226.578.400	209.578.400

11. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Trích):

	<u>Tại ngày</u> <u>01/01/2016</u> <u>VND</u> (Được báo cáo lại)	<u>Tại ngày</u> <u>01/01/2016</u> <u>VND</u> (Đã được báo cáo trước đây)
Hàng tồn kho	95.395.957.372	61.868.793.714
Chi phí trả trước ngắn hạn	708.994.238	34.236.157.896

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do trình bày lại chi phí sản xuất dở dang của các đơn hàng đã phát sinh nhưng chưa ghi nhận doanh thu.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	<u>Năm 2016</u> <u>VND</u> (Được báo cáo lại)	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u> (Đã được báo cáo trước đây)
Giá vốn hàng bán	608.392.182.311	600.873.704.717
Chi phí bán hàng	40.264.762.328	47.783.239.922

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do trình bày lại chi phí khấu hao của các tài sản cho thuê vào giá vốn hàng bán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Lô U12b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận,
Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:

Trong năm, Tập đoàn thay đổi phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ phương pháp trực tiếp sang phương pháp gián tiếp.

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Trần Phan Thúy An
Kế toán trưởng

Nguyễn Đình Trọng
Người lập